

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 6 tháng 7 năm 2026

Số: /CHHĐTVN-PC

V/v thông báo danh mục thủ tục hành chính được công bố thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa

Kính gửi:

- Các tổ chức giúp việc Cục trưởng;
- Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy;
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Các Cảng vụ đường thủy nội địa.

Ngày 04/4/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa, có hiệu lực từ 1/7/2026; Ngày 15/5/2026, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ xây dựng Quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026; Ngày 01/7/2026, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

Ngày 01/7/2026, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 1136/QĐ-BXD về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng và Quyết định số 1137/QĐ-BXD về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng, trong đó:

1) Tại Quyết định số 1136/QĐ-BXD có 09 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa được công bố bãi bỏ và có 17 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa được công bố sửa đổi, bổ sung, có 04 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa được công bố thay thế theo quy định tại Nghị định số

123/2026/NĐ-CP, Thông tư số 20/2026/TT-BXD, Thông tư số 21/2026/TT-BXD và Thông tư số 54/2026/TT-BXD, cụ thể:

a) 9 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa được công bố bãi bỏ:

- Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;
- Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa;
- Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ;
- Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ;
- Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa;
- Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa;
- Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động;
- Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;
- Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng.

b) 04 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa được công bố thay thế:

- Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa;
- Công bố mở cảng thủy nội địa;
- Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;
- Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh.

c) 17 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa được công bố sửa đổi, bổ sung:

- Công bố mở luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương;
- Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa;
- Lấy ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ;
- Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa;
- Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng;
- Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam;
- Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia rời cảng thủy nội địa Việt Nam;

- Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa;

- Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh;

- Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng;

- Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa;

- Công bố mở khu neo đậu;

- Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu;

- Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa;

- Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

- Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

- Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

2) Tại Quyết định số 1137/QĐ-BXD có 01 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực đường thủy nội địa được công bố ban hành mới, 05 TTHC nội bộ lĩnh vực đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 21/2026/TT-BXD và Thông tư số 54/2026/TT-BXD, cụ thể:

a) 01 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa được công bố ban hành mới:

Quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa quốc gia thành đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng thành đường thủy nội địa quốc gia.

b) 05 thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa được công bố sửa đổi, bổ sung:

- Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Công bố đóng khu neo đậu vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Công bố đóng cảng thủy nội địa vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Quyết định chuyển đổi đường thủy nội địa địa phương thành đường thủy nội địa quốc gia;

- Công bố mở luồng đường thủy nội địa quốc gia.

02 Quyết định công bố có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo và đề nghị các tổ chức giúp việc Cục trưởng và các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, các Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa nghiên cứu nội dung các thủ tục hành chính tại Website của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: [http://vimawa.gov.vn/Thủ tục hành chính](http://vimawa.gov.vn/Thủ_tục_hành_chính).

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo để các tổ chức giúp việc Cục trưởng, đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng (để b/c);
- Website Cục HHĐTVN;
- Lưu: VT, PC_(Giang).

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG PHÁP CHẾ**

Vũ Quỳnh Anh

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÀI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1136/QĐ-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A.	Thủ tục hành chính do cơ quan trung ương giải quyết			
1.	1.009459	Công bố mở luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng
2.	1.009451	Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa		Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực; Sở Xây dựng
3.	1.009463	Lấy ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng; Cảng vụ hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa địa phương
4.	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Sở Xây dựng, Cảng vụ hoặc cơ quan quản lý đường

				thủy nội địa địa phương
5.	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng	Nghị định số 123/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa, đặc biệt về vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng
6.	1.009440	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam	Thông tư 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ xây dựng Quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa	Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa
7.	1.009441	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia rời cảng thủy nội địa Việt Nam		Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa
B.	Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết			
8.	1.009452	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Ủy ban nhân dân cấp xã
9.	1.009453	Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh		Ủy ban nhân dân cấp xã
10.	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không	Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

		có nhu cầu khai thác, sử dụng	Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của	
11.	1.009442	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa	Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng	Sở Xây dựng
12.	1.009449	Công bố mở khu neo đậu	thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Sở Xây dựng
13.	1.009448	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu		Sở Xây dựng
14.	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa		Sở Xây dựng, Cảng vụ
15.	1.004239	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Cảng vụ Hàng hải/ Cảng vụ Đường thủy nội địa, Sở Xây dựng
16.	1.003570	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		Cảng vụ Hàng hải/ Cảng vụ Đường thủy nội địa, Sở Xây dựng
17.	1.004137	Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		Cảng vụ Hàng hải/ Cảng vụ Đường thủy nội địa, Sở Xây dựng

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản QPPL quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện	
A	Thủ tục hành chính do Trung ương và địa phương giải quyết					
18.	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng	
	1009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa				
19.	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Công bố mở cảng thủy nội địa			Bộ Xây dựng; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng
	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa				
20.	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu			
	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu				
B	Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết					
21.	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của	Ủy ban nhân dân cấp xã	

	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	
--	----------	------------------------------------	---	--	--

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1.	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng
2.	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa		Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng, Cảng vụ Hàng hải/Cảng vụ Đường thủy
3.	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ		Cảng vụ Hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa
4.	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ		Cảng vụ Hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa
5.	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa		Ủy ban nhân dân cấp xã
6.	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa		Bộ Xây dựng; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng

7.	1.009457	Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động		Bộ Xây dựng; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng
8.	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Sở Xây dựng
9.	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Sở Xây dựng

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Công bố mở luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Luồng đường thủy nội địa trước khi đưa vào khai thác phải được cơ quan có thẩm quyền công bố mở.

- Luồng đường thủy nội địa đã có trong quy hoạch được phê duyệt chỉ cần khảo sát luồng, thiết lập báo hiệu để khai thác: Sau khi hoàn thành khảo sát, thiết lập báo hiệu phải thực hiện thủ tục công bố mở luồng đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

- Luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia:

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thẩm định hồ sơ, báo cáo Bộ Xây dựng.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, báo cáo của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố.

- Luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương:

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công công trình, hệ thống báo hiệu luồng đường thủy nội địa đối với luồng đường thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng mới hoặc luồng đường thủy nội địa được cải tạo, nâng cấp.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ hiện trạng luồng đường thủy nội địa đề nghị công bố thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công trình hiện có đối với luồng đường thủy nội địa không đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia:

- + Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thẩm định hồ sơ, báo cáo Bộ Xây dựng.

- + Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, báo cáo của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố.

- Luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương:

- + Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- + Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Bộ Xây dựng quyết định công bố mở luồng đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố mở luồng đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng.

d) Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan (nếu có).

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định công bố mở luồng đường thủy nội địa.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa.

- Quyết định công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

Số: .../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa (1).....**

Kính gửi:(2).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: (nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:
..... Đề nghị ...(2)... xem xét công bố mở/đóng luồng đường thủy nội
địa... (1)..., với nội dung sau:1. Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành
phố).....

Tọa độ:(3)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành
phố).....

Tọa độ:(3)

2. Chiều dài đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ
.....

3. Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

4. Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa:

a) Chiều rộng:

b) Chiều sâu:

c) Bán kính cong nhỏ nhất:

5. Loại đường thủy nội địa (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):

6. Công trình hiện có trên đường thủy nội địa (chiều cao, chiều rộng khoang
thông thuyền):

7. Thời gian bắt đầu khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa:

8. Các nội dung khác (nếu có):

9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên luồng đường thủy nội địa.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa.

(3) Hệ tọa độ VN2000.

Mẫu Quyết định Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa(1).....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ***Căn cứ**Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ... của**...;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ...(1) ...

Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)....., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ:(2)

Chiều dài luồng đường thủy nội địa:km. Từ km thứ đến km thứ

Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:

Thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa: chiều rộng (B) độ sâu (H) bán kính cong (R)

Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa:

.....

Điều 2. Trong quá trình khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa, ...(tổ chức, cá nhân) ...có trách nhiệm thực hiện:

1.

2.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành

Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

- (1) Tên luồng đường thủy nội địa (ghi rõ đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng).
- (2) Hệ tọa độ VN2000.

2. Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Các công trình trên đường thủy nội địa và các hoạt động ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa phải thiết lập báo hiệu để chỉ dẫn, định hướng xác định vị trí luồng chạy tàu đi lại an toàn, hiệu quả. Báo hiệu được thiết lập phải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam.

- Tổ chức, cá nhân thiết lập báo hiệu gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực, Sở Xây dựng cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

- Chi cục Hàng hải và Đường thủy khu vực cho ý kiến về phương án thiết lập báo hiệu đối với: luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia; công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia (trừ đường thủy nội địa quốc gia đã phân cấp về địa phương quản lý).

- Sở Xây dựng cho ý kiến về phương án thiết lập báo hiệu đối với luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương; công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa quốc gia được phân cấp địa phương quản lý.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho ý kiến về phương án thiết lập báo hiệu gửi chủ đầu tư.

- Tổ chức, cá nhân quản lý đường thủy nội địa chuyên dùng có trách nhiệm thông báo việc thiết lập và đưa báo hiệu vào sử dụng trên luồng chuyên dùng.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính sơ đồ dự kiến phương án thiết lập báo hiệu.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi Cục Hàng hải và Đường thủy khu vực; Sở Xây dựng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi Cục Hàng hải và Đường thủy khu vực; Sở Xây dựng.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa.

2.8. Phí, lệ phí: không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề nghị cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu văn bản đề nghị cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa:

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

Số: .../...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cho ý kiến về phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa công trình

.....(2)...

Kính gửi:(1).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ... (Nếu là cá nhân ghi: họ tên, ngày sinh, số căn cước)

Người đại diện theo pháp luật (ghi họ tên, ngày sinh, số căn cước):

.....

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị chấp thuận thiết lập báo hiệu công trình(2)

1. Vị trí công trình.....(2)

2. Số lượng báo hiệu:

3. Loại báo hiệu:

4. Hệ thống khác (nếu có):

5. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên Cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến.

(2) Tên công trình, hoạt động,...

3. Lấy ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Các dự án đầu tư xây dựng không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động có liên quan đến giao thông thủy khi lập dự án, tổ chức hoạt động, trừ các dự án đầu tư công đặc biệt, các công trình xử lý cấp bách, khẩn cấp theo quy định của pháp luật đầu tư công, xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Cơ quan Cảng vụ hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa địa phương để lấy ý kiến về các nội dung liên quan đến đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cho ý kiến đối với các công trình, các hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân cấp địa phương thực hiện.

- Sở Xây dựng cho ý kiến đối với công trình, các hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa quốc gia được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân cấp.

- Cơ quan Cảng vụ hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa địa phương cho ý kiến đối với các hoạt động trong phạm vi vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản gửi tổ chức, cá nhân xây dựng công trình, tổ chức hoạt động.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

*** Đối với các công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hồ sơ gồm:**

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ mặt cắt công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ khu vực xây dựng công trình trên hệ tọa độ quốc gia VN2000, hệ cao độ nhà nước. Trên bản vẽ thể hiện vị trí công trình và cao độ tự nhiên, địa hình, địa vật của sông, kênh đối với khu vực xây dựng công trình, các công trình liền kề (nếu có) và các tài liệu sau:
 - + Cầu vĩnh cửu, cầu tạm: số liệu về kích thước khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tĩnh không); mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông, kênh.
 - + Cầu quay, cầu cất, cầu phao, cầu nâng hạ, công trình thủy điện kết hợp giao thông: số liệu về khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tĩnh không, chiều dài, độ sâu ngưỡng âu); phương án và công nghệ đóng, mở; bản vẽ thiết kế vị trí, vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện neo đậu khi chờ đợi qua công trình.
 - + Công trình vượt qua luồng trên không: bản vẽ, các số liệu về chiều cao tĩnh không, thể hiện điểm cao nhất của công trình vượt qua luồng (điểm thấp nhất tính cả hành lang an toàn công trình theo quy định);
 - + Công trình ngầm dưới đáy luồng: bản vẽ thể hiện khoảng cách, cao trình đỉnh công trình đến cao trình đáy thiết kế luồng, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa.
 - + Công trình đập, thủy điện (không kết hợp giao thông), thủy lợi: bình đồ và bản vẽ khu vực cảng, bến thủy nội địa hoặc khu vực chuyển tải tại thượng lưu và hạ lưu công trình; phương án bốc xếp, chuyển tải.
 - + Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; công trình phong điện, nhiệt điện; bến phà, kè: bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng; công trình kè, chỉnh trị khác; kích thước, kết cấu các cầu cảng, kè, công trình chỉnh trị khác và các công trình phụ trợ; vùng nước của cảng.

*** Đối với các hoạt động trên đường thủy nội địa: Hoạt động thi công công trình (bao gồm hoạt động nạo vét vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu); khai thác tài nguyên, khoáng sản; Khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản (bè cá, lồng cá, đặng, đáy cá, bãi nuôi trồng thủy sản, hải sản); tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, diễn tập, thể thao, lễ hội; họp chợ, làng nghề, thực**

hành đào tạo nghề; Các hoạt động khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa, hồ sơ gồm:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ thể hiện phạm vi khu vực hoạt động, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng, khoảng cách đến các công trình liên quan ở khu vực và phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định phạm vi, cao trình nạo vét, khai thác tài nguyên, khoáng sản (đối với hoạt động nạo vét cải tạo vùng nước cảng, bến thủy nội địa, luồng chuyên dùng vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; khai thác tài nguyên, khoáng sản).

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng, Cảng vụ Hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa địa phương.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng, Cảng vụ Hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa địa phương.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa.

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề nghị cho ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình hoặc hoạt động.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;
- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị cho ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình hoặc hoạt động:

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cho ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình
(2)...../hoạt động**

Kính gửi:(1).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ... (Nếu là cá nhân ghi: họ tên, ngày sinh, số căn cước)

Người đại diện theo pháp luật (ghi: họ tên, ngày sinh, số căn cước):

.....

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng công trình/hoạt động,...(2)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ(3)

Từ km thứ..... đến km thứ

Bên bờ (phải hay trái) sông, kênh):

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố.

2. Quy mô dự kiến xây dựng/hoạt động,...:

3. Mục đích sử dụng:

4. Mức độ ảnh hưởng đến an toàn giao thông:

5. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG XÁC NHẬN VÙNG NƯỚC

Ghi chú:

(1) Tên Cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến.

(2) Tên công trình, hoạt động,...

(3) Trên bờ hay dưới nước; sử dụng hệ tọa độ VN 2000.

Vùng nước nuôi trồng thủy sản, vùng nước neo đậu phương tiện thủy hoặc kinh doanh nhà hàng nổi, tổ chức, cá nhân đề nghị phải lấy xác nhận của chính quyền địa phương có vùng nước.

4. Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

4.1. Trình tự thực hiện:

- Chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu gửi thông báo đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu đến các cơ quan sau:

+ Bộ Xây dựng đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia.

+ Sở Xây dựng đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương; khu neo đậu trên địa giới hành chính tỉnh, thành phố.

- Trên cơ sở thông báo của chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng ra văn bản đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu đối với trường hợp không còn nhu cầu khai thác, sử dụng.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

Văn bản thông báo của chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc theo quy chế làm việc của Chính Phủ .

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

5. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư, nhà thầu thi công công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia.

- Chi cục Hàng hải và Đường thủy chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải tiếp giáp với hành lang đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

- Sở Xây dựng chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn địa phương và đường thủy nội địa quốc gia được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân cấp. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, phân cấp.

- Cảng vụ hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa địa phương chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động sửa chữa, cải tạo nâng cấp và hoạt động khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông gửi chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công hoặc tổ chức, cá nhân.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết

thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản chính phương án thi công, thời gian, tiến độ thi công công trình, tổ chức hoạt động.
- Bản chính phương án bảo đảm an toàn giao thông.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, phạm vi khu vực tổ chức thi công công trình, tổ chức hoạt động.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư, nhà thầu thi công công trình, tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Sở Xây dựng, Cảng vụ hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa địa phương.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Sở Xây dựng, Cảng vụ hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa địa phương.

d) Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản chấp thuận, văn bản trả lời (đối với trường hợp không phê duyệt).

5.8. Phí, lệ phí: Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;
- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa:

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa

Công trình/hoạt động:(2)....

Kính gửi:(1).....

Căn cứ;

Tên tổ chức, cá nhân: (nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)...

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước): Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị... (1) ... xem xét cho ý kiến phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa đối với công trình/hoạt động (2)..... với các thông tin như sau:

1. Tên công trình/hoạt động:

2. Vị trí công trình/hoạt động có tọa độ(3)

Từ km thứ..... đến km thứ

Bên bờ (phải hay trái) sông, kênh): Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố.....

3. Thời gian thực hiện:

4. Phương án bảo đảm an toàn giao thông:

5. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

6. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên; - ...;

- Lưu: VT,...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(2) Tên công trình (hoặc hoạt động).

(3) Trên bờ hay dưới nước; sử dụng hệ tọa độ VN 2000.

6. Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa, khu neo đậu, chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao chuẩn bị dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) phải lấy ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật cảng thủy nội địa với cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Chủ đầu tư gửi 02 (hai) bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia), Sở Xây dựng (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương) để thẩm định.

- Cảng thủy nội địa, khu neo đậu không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Chủ đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia); Sở Xây dựng (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương).

b) Giải quyết TTHC:

- Bộ Xây dựng cho ý kiến đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cho ý kiến đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.

- Sở Xây dựng cho ý kiến đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương, trừ trường hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.

- Cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, trước khi thẩm định, cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa theo phạm vi quản lý.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hồ sơ dự án.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ vị trí xây dựng cảng, bến thủy nội địa: thể hiện địa danh, vị trí công trình cảng, bến, kho, bãi, vùng nước, lý trình (km) sông, kênh, rạch; vùng đất; các công trình liên kề (nếu có). Vùng nước trên bản vẽ phải thể hiện chiều rộng từ mép bờ đến hết chiều rộng luồng. Bình đồ được lập trên hệ tọa độ quốc gia VN2000 và cao độ nhà nước, có tỷ lệ từ 1/500 đến 1/1.000.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ:

- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 01 bộ.
- Đối với cảng thủy nội địa, tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 02 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì gửi báo cáo kết quả thẩm định và 01 (một) bộ hồ sơ về Bộ Xây dựng.

+ Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa.

+ Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng ban hành văn bản cho ý kiến gửi chủ đầu tư.

- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng có văn bản cho ý kiến gửi chủ đầu tư.

- Cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa có văn bản trả lời.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cảng vụ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng có văn bản cho ý kiến gửi chủ đầu tư.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Bộ Xây dựng cho ý kiến đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cho ý kiến đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.

- Sở Xây dựng cho ý kiến cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương, trừ trường hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực

hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Sở Xây dựng.

d) Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan (nếu có).

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa, khu neo đậu.

6.8. Phí, lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề nghị cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa, khu neo đậu.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa, khu neo đậu:

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa/bến thủy nội địa/khu neo đậu/bến khách ngang sông/kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án

Kính gửi:(1)

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân:....(nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước).....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng (cảng, bến thủy nội địa/bến khách ngang sông/khu neo đậu/ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ(2).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên (bên) bờ phải hay bờ trái) sông, kênh.....

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố

Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Ngày cấp:; Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nhất (nếu có):

2. Quy mô dự kiến.....

3. Công năng của cảng thủy nội địa/ bến thủy nội địa/ bến khách ngang sông/ khu neo đậu/ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án

4. Phạm vi sử dụng

- Khu đất:

- Vùng nước:.....

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện với món nướcmét.

6. Thời gian thực hiện:

7. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến.
- (2) Hệ tọa độ VN2000.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

7. Công bố mở cảng thủy nội địa

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi đưa công trình cảng thủy nội địa vào khai thác, chủ cảng thủy nội địa nộp hồ đến cơ quan có thẩm quyền như sau:

+ Bộ Xây dựng: công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: công bố mở đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.

+ Sở Xây dựng: công bố mở đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố, trừ trường hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.

- Cảng thủy nội địa phải thực hiện công bố khi:

+ Có sự thay đổi về quy mô hoặc công năng sử dụng; hết thời hạn công bố hoạt động hoặc hết tuổi thọ thiết kế vẫn có nhu cầu tiếp tục khai thác.

+ Bến thủy nội địa được nâng cấp thành cảng thủy nội địa.

+ Bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa đã được quy hoạch (không thực hiện cải tạo, nâng cấp công trình).

b) Giải quyết TTHC:

- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng.

+ Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố mở cảng thủy nội địa.

- Cảng thủy nội địa, không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc bến thủy nội địa công bố thành cảng thủy nội địa: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố mở cảng thủy nội địa.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên

Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ công bố mở cảng thủy nội địa:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản phê duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật công trình của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng cảng thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu kết quả rà tìm vật chướng ngại trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa; biên bản xác nhận thiết lập báo hiệu tại cảng, bến thủy nội địa.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của công-tôn, phương tiện, kết cấu nổi thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng công-tôn, phương tiện, kết cấu nổi làm cảng, bến thủy nội địa).

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).

b) Thành phần hồ sơ công bố mở cảng thủy nội địa, khi có sự thay đổi về quy mô hoặc công năng sử dụng; hết thời hạn công bố hoạt động hoặc hết tuổi thọ thiết kế vẫn có nhu cầu tiếp tục khai thác:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị công bố mở.

- Báo cáo kiểm định, đánh giá chất lượng công trình do tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện.

- Hồ sơ, biên bản nghiệm thu hoàn thành cải tạo, sửa chữa, nâng cấp (nếu có).

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng cảng thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Thành phần hồ sơ đề nghị công bố mở cảng sau khi nâng cấp bến thủy nội địa

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu kết quả rà tìm vật chướng ngại trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa; biên bản xác nhận thiết lập báo hiệu tại cảng, bến thủy nội địa.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của công-tông, phương tiện, kết cấu nổi thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng công-tông, phương tiện, kết cấu nổi làm cảng, bến thủy nội địa).
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).

d) Thành phần hồ sơ đề nghị công bố mở cảng đối với bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa đã được quy hoạch (không thực hiện cải tạo, nâng cấp công trình):

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Hồ sơ kiểm tra tính toán thực tế bến thủy nội địa do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân kiểm định thực hiện.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:
 - + Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Xây dựng.
 - + Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Xây dựng ban hành quyết định công bố mở cảng thủy nội địa.
- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc bến thủy nội địa công bố thành cảng thủy nội địa:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố mở cảng thủy nội địa.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định công bố mở cảng thủy nội địa.

7.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị công bố mở cảng thủy nội địa.

- Quyết định công bố mở cảng thủy nội địa.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Văn bản đề nghị công bố mở cảng thủy nội địa:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Công bố mở cảng thủy nội địa/bến thủy nội địa/bến khách ngang sông/ kết
cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án
.....(2).....**

Kính gửi:(1)

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ...(nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)...

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố mở cảng (bến)(2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ(3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh, ...

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố

Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất:; Ngày cấp:; Thửa đất số:; Tờ bản đồ số:
.....; Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Nội dung thay
đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nhất (nếu có):2. Cảng/bến thuộc loạiCấp kỹ thuật của cảng/bến
.....

3. Phạm vi sử dụng:

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến),
số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết
nối các phương thức vận tải khác,...).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước vùng neo chờ.....tại vị trí có tọa độ (3)

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Tiếp nhận phương tiện với mớn nước m.

10. Nội dung khác (nếu có):

11. Hồ sơ gửi kèm:

12. Cam kết: Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên
đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải

đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (2) Tên cảng/bến,...
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

Bến khách ngang sông trên cùng địa bàn xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

Mẫu Quyết định công bố mở cảng thủy nội địa:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố mở cảng thủy nội địa/bến thủy nội địa/bến khách ngang
sông/bến dân sinh/kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công
công trình, dự án(1).....**

.....(2).....

Căn cứ

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Công bố mở cảng thủy nội địa/bến thủy nội địa/bến khách ngang
sông/bến dân sinh/kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình,
dự án(1).....

Tại vị trí có tọa độ: (Hệ tọa độ VN 2000)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố
của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại số Fax

Loại cảng/bến(cảng/bến thủy nội địa: hàng tổng hợp, hàng
lông/ khí, container, hành khách, hàng rời/ bến khách ngang sông).....Cấp kỹ thuật của cảng
Vùng đất của cảng/bến

Kết cấu công trình cảng/bến(3).....

Được phép tiếp nhận phương tiện với mớn nướcm.

Mục đích sử dụng: ...(hàng hóa, chuyên dùng, hành khách, hỗn hợp,
container)....Vùng nước của cảng/bến theo bình đồ (sơ đồ) vùng nước cảng/bến do cơ
quan, đơn vị thực hiệnngàytháng ...năm ...; Chiều dài....., chiều
rộng.....

Thiết bị xếp, dỡ

Điều 2. Tổ chức thực hiện**Điều 3.** ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như trên;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên công trình.
 - (2) Chức danh Người có thẩm quyền quyết định.
 - (3) Liệt kê cụ thể công trình chính và các cầu tàu, công trình phụ trợ, các thiết bị xếp dỡ cố định như băng tải, cần trục điện.
- Quyết định công bố thay đổi, điều chỉnh chỉ ghi nội dung thay đổi theo quy định.

8. Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng

8.1 Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng trong các trường hợp: phương tiện rời cảng biển; phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa có hành trình vận tải liên tỉnh.

- Sở Xây dựng tổ chức phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng trong trường hợp phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa có hành trình vận tải nội tỉnh.

- Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, phê duyệt phương án cho người vận tải. Trường hợp không phê duyệt có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng theo mẫu.

- Phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng theo quy định gồm các nội dung chủ yếu sau: Hiện trạng tuyến đường thủy dự kiến hành trình: chiều rộng, chiều sâu, bán kính cong của luồng; chiều cao tĩnh không các công trình vượt sông; Thông tin về loại hàng hóa vận chuyển: kích thước (dài x rộng x cao) m, tổng khối lượng (tấn); Dự kiến thời gian vận chuyển; cảng đi, cảng đến; Chung loại, thông số kích thước phương tiện vận tải; Hướng dẫn đảm bảo an toàn giao thông, yêu cầu hỗ trợ (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng của tổ chức, cá nhân.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng.

d) Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định phê duyệt, văn bản trả lời (đối với trường hợp không phê duyệt).

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề nghị phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Nghị định số 123/2026/NĐ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều luật giao thông đường thủy nội địa và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giao thông đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng:

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt Phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số 123/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

Tên tổ chức hoặc cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật (họ và tên, số căn cước):.....

Địa chỉ:số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị(1)..... phê duyệt Phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng (gửi kèm theo).

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

9. Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trường hợp thực hiện trực tiếp tại địa điểm làm thủ tục, người làm thủ tục nộp, xuất trình giấy tờ cho cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định. Các cơ quan có thẩm quyền phải trả giấy tờ quy định cho người làm thủ tục ngay sau khi kiểm tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Trường hợp làm thủ tục điện tử, chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện dự kiến đến cửa khẩu, người làm thủ tục phải khai báo giấy tờ quy định theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành việc nộp, xuất trình hoặc khai báo điện tử đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở thông báo kết quả giải quyết thủ tục theo chuyên ngành của các cơ quan liên quan, Cảng vụ thông báo cho phương tiện vào cảng.

- Trách nhiệm làm thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa:

+ Kiểm tra các loại giấy tờ liên quan đến phương tiện và thuyền viên trong trường hợp làm thủ tục điện tử:

a) Cảng vụ kiểm tra các thông tin khai báo, tra cứu dữ liệu phương tiện, thuyền viên Việt Nam trên cơ sở dữ liệu điện tử của các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục cấp giấy phép cho phương tiện vào cảng thủy nội địa.

b) Cảng vụ chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu điện tử không có thông tin của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu hoặc không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử.

c) Thời hạn xuất trình các giấy tờ không có trong cơ sở dữ liệu: chậm nhất 02 giờ, kể từ khi phương tiện đã neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ, kể từ khi phương tiện đã neo đậu tại vị trí khác trong vùng nước cảng.

+ Trách nhiệm làm thủ tục:

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan thực hiện kiểm tra và chịu trách nhiệm đối với kết quả kiểm tra các giấy tờ theo quy định.

b) Cảng vụ căn cứ thông tin tàu thuyền và kết quả giải quyết thủ tục của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác để quyết định giải quyết thủ tục nhập cảnh vào cảng.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc thực hiện thủ tục điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

9.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Các giấy tờ phải nộp (mỗi loại 01 bản chính hoặc bản điện tử):

+ Nộp cho Cảng vụ: Bản khai chung theo Mẫu; Danh sách thuyền viên theo Mẫu; Danh sách hành khách theo Mẫu; Bản khai hàng hóa theo Mẫu; Giấy phép rời cảng thủy nội địa theo quy định.

+ Nộp cho Cơ quan Hải quan: Bản khai chung theo Mẫu; Danh sách thuyền viên theo Mẫu; Danh sách hành khách theo Mẫu; Bản khai hàng hóa theo Mẫu.

+ Nộp cho Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu: Bản khai chung theo Mẫu; Danh sách thuyền viên theo Mẫu; Danh sách hành khách theo Mẫu; Bản khai vũ khí và vật liệu nổ (nếu có) theo Mẫu; Bản khai người trốn trên tàu (nếu có) theo Mẫu.

+ Nộp cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật theo Mẫu.

+ Nộp cho cơ quan kiểm dịch động vật: Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật theo Mẫu.

- Các giấy tờ phải xuất trình:

+ Giấy tờ xuất trình cho Cảng vụ gồm: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện; giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trong trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp); giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện; bản sao giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự); Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia trong trường hợp chưa có cơ sở dữ liệu điện tử.

+ Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện.

+ Giấy tờ xuất trình cho Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu: Hộ chiếu.

+ Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật).

+ Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật).

+ Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành việc nộp, xuất trình hoặc khai báo điện tử đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở thông báo kết quả giải quyết thủ tục theo chuyên ngành của các cơ quan liên quan, Cảng vụ thông báo cho phương tiện vào cảng.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan hải quan, Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu, Cơ quan kiểm dịch thực vật, Cơ quan kiểm dịch động vật, Cơ quan kiểm dịch y tế.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép điện tử cho phương tiện vào cảng thủy nội địa.

9.8. Phí, lệ phí: Theo phí, lệ phí quy định tại Thông tư số 39/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính quy định quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy phép rời cảng thủy nội địa theo;

- Bản khai chung;

- Danh sách thuyền viên;

- Danh sách hành khách;

- Bản khai hàng hóa;

- Bản khai kiểm dịch thực vật;

- Bản khai kiểm dịch động vật;

- Bản khai vũ khí và vật liệu nổ;

- Bản khai người trốn trên tàu.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa;

- Thông tư số 39/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu Giấy phép rời cảng:

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Cơ quan có thẩm quyền cấp		TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Socialist Republic of Vietnam Independence - Freedom - Happiness Cơ quan có thẩm quyền cấp	
GIẤY PHÉP RỜI CẢNG PORT CLEARANCE		GIẤY PHÉP RỜI CẢNG¹ PORT CLEARANCE	
Giấy phép rời cảng số:.....		Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Hô hiệu:..... Số đăng ký hành chính: (*)	
Port Clearance No.		Name of ship Flag State of ship Call sign Official number	
Tên tàu:.....		Dung tích toàn phần:..... Tên thuyền trưởng:.....	
Name of ship		Gross tonnage Name of master	
Quốc tịch tàu:.....		Số lượng thuyền viên:..... Số lượng hành khách:.....	
Flag State of ship		Number of crews Number of passenger	
Dung tích toàn phần:.....		Hàng hóa trên tàu:.....	
Gross tonnage		Cargo	
Số lượng thuyền viên:.....		Hàng hóa quá cảnh:.....	
Number of crews		Transit cargo	
Số lượng hành khách:.....		Thời gian rời cảng:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....	
Number of passengers		Time of departure Date	
Hàng hóa trên tàu:.....		Cảng đến:.....	
Cargo		Next port of call	
Hàng hóa quá cảnh:.....		Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến...giờ...ngày...tháng...năm...	
Transit cargo		This port clearance is valid until	
Rời cảng hồi:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....		Giấy phép số:...../CV.....	
Time of departure date		N ^o	
Có hiệu lực đến:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....		Ngày.....tháng.....năm 20.... Date.....	
Valid until date		NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN Director	
Cảng đến:.....			
Next port of call			
Cấp:.....giờ.....ngày.../.../.....		(*) Mục này chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa. Only for inland waterway ships.	
Issued at on			
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN			

Mẫu Bản khai chung:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*****Socialist Republic of Vietnam******Independence - Freedom - Happiness*****BẢN KHAI CHUNG****GENERAL DECLARATION**

	Vào Arrival		Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship			
1.2 Số chuyến đi: Voyage number			
2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure		3. Thời gian đến/rời cảng Date and time of arrival/departure	
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (date, number and Port of registry)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of ship's agent	
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Dung tích có ích: Net tonnage		
11. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage Các cảng trước: Previous ports of call Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged			

12. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Brief description of the cargo				
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit	
Xuất khẩu Export cargo				
.....				
Nhập khẩu Import cargo				
.....				
Nội địa Domestic cargo				
....				
Hàng trung chuyển Transshipment cargo				
.....				
Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port				
.....				
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit				
.....				
13. Số thuyền viên Number of crew	14. Số hành khách Number of passengers	15. Ghi chú: Remarks - Trọng tải toàn phần: Deadweight (DWT)		

16. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	17. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration	- Mớn nước mũi, lái: Draft F/A - Chiều dài lớn nhất: LOA - Chiều rộng lớn nhất: Breadth - Chiều cao tính không: Air draft - Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu: Type of fuel - Lượng nhiên liệu trên tàu: Remain on board (R.O.B) - Tên và địa chỉ chủ tàu: Name and address of the shipowners - Các thông tin cần thiết khác (nếu có) And others (If any)
18. Danh sách thuyền viên Crew List	19. Danh sách hành khách Passenger List	20. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities
21. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration (only on arrival) (*)	22. Bản khai kiểm dịch y tế (*) Maritime Declaration of Health (only on arrival) (*)	
22.1 Số đăng ký hành chính Official number		22.2 Số đăng kiểm Registry number
22.3 Mã số Giấy phép rời cảng (*) Number of port clearance		
Ghi chú: Note:		23....., ngày... tháng... năm... Date Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền) Master (or authorized agent or officer)

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng. Only on arrival. Mục 22.1 và 22.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa. No 22.1 and 22.2: Only for inland waterway ships.	
---	--

Mẫu Danh sách thuyền viên:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN**CREW LIST**

										Vào Arrival	Rời Departure	Trang số: Page No.
1.1 Tên tàu: Name of ship					1.2 Số IMO IMO number		1.3 Hô hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi Voyage number			
2. Cảng vào/rời: Port of arrival/departure					3. Ngày vào/rời: Date of arrival/departure		4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship		5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call			
5.1 Số đăng ký hành chính Official number					5.2 Số đăng kiểm Registry number							
6.STT No.	7. Họ Family name	8. Tên Given name	9. Chức Rank of rating	10. Quốc tịch (*) Nationality	11. Ngày sinh (*) Date of birth	12. Nơi sinh (*) Place of birth	13. Giới tính Gender	14. Loại giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên/ Số định danh cá nhân) Nature of identity document (seaman's passport/ Personal identification number)	15. Số giấy tờ nhận dạng Numb er of identi ty docu ment	16. Quốc gia cấp giấy tờ nhận dạng Issuing State of identity document	17. Ngày hết hạn của giấy tờ nhận dạng Expiry date of identity document	

Ghi chú:

Note:

Mục 5.1 và 5.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 5.1 and 5.2: Only for inland waterway ships.

(18)....., ngày.....tháng.....năm.....

Date

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.
Only for foreigner.

Mẫu Danh sách hành khách:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày..... tháng..... năm 20...

....., date.....

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH**PASSENGER LIST**

Tên tàu thuyền: Số đăng ký:

Name of ship

Registration number

Tên chủ tàu thuyền:

Name of shipowner

Địa chỉ:

Address

Tên thuyền trưởng: Số GCNKNCM (CCCM):

Name of Master

Certificate of Professional Competency No.

Tuyến vận tải

Transport route

Thời gian rời bến: hồi..... giờ....., ngày/...../20.....

Departure time from port: at, date

Quốc tịch: Việt Nam người; nước ngoài người

Nationality: Vietnamese persons; foreigners persons

STT No.	Họ và tên Full name	Ngày sinh Date of birth	Quốc tịch Nationality	Số hộ chiếu/ Số định danh cá nhân Passport No./ Personal Identification No.
1				
2				
3				
.....				

Tổng số hành khách người (bằng chữ người)

Total number of passengers: persons (in words persons)

Ghi chú: lấy thông tin của hành khách, để phục vụ cho việc liên lạc.

Note: Passenger information is collected for contact purposes.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KHAI THÁC

CẢNG, BẾN

REPRESENTATIVE OF

PORT/TERMINAL OPERATOR

(ký ghi rõ họ, tên)

(signature and full name)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

PREPARED BY

(ký ghi rõ họ, tên)

(signature and full name)

Mẫu Bản Khai hàng hóa:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA
CARGO DECLARATION

	☐ Vào Arrival	☐ Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu Name of ship	1.2 Số IMO IMO number		
1.3 Số chuyến đi: Voyage number	2. Cảng lập bản khai: Port where report is made		
3. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	4. Tên thuyền trưởng: Name of master		
5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge			
Vận đơn số* B/L No	6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos.	7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods or, if available, the Harmonized System (HS) code	8. Tổng trọng lượng Gross weight
			9. Kích thước Measurement
Xuất khẩu Export cargo			
Nhập khẩu Import cargo			
Nội địa Domestic cargo			
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port			
Hàng quá cảnh không xếp dỡ			

The quantity of cargo in transit			
Hàng trung chuyển Transshipment cargo			
9.1 Số đăng ký hành chính Official number	9.2 Số đăng kiểm Registry number		

* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.

B/L No: Also state original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading

Note: Mục 9.1 và 9.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa

No 9.1 and 9.2: Only for inland waterway ships.

(10)....., ngày.....tháng.....năm.....

Date

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu Bản khai kiểm dịch thực vật:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom – Happiness

**BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT
DECLARATION FOR PLANT QUARANTINE**

Tên tàu: Quốc tịch tàu:
Name of ship Flag State of ship

Tên thuyền trưởng: Tên bác sỹ:
Name of master Name of doctor

Số thuyền viên: Số hành khách:
Number of crew Number of passengers

Cảng rời cuối cùng: Cảng đến tiếp theo:
Last port of call Next port of call

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:
The first port of loading and the date of departure:
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở cảng đầu tiên:
Name, quantity and weight of plant goods loaded at the first port:
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:
Name, quantity, weight of plant goods loaded at the intermediate ports and the names of these ports:
.....

Tên, số lượng và khối lượng hàng thực vật cần bốc ở cảng này:
Name, quantity and weight of plant goods to be discharged at this port:
.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch thực vật.
The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on plant quarantine.

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu Bản khai kiểm dịch động vật:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness**BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE**

Tên tàu: Quốc tịch tàu:
Name of ship Flag State of ship

Tên thuyền viên: Tên hành khách:
Name of crew Name of passengers

Cảng rời cuối cùng: Cảng đến tiếp theo:
Last port of call Next port of call

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:
Animal and animal products loaded at the first port

.....
.....

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở các cảng trung gian và tên cảng đó:
Animal and animal products loaded at the intermediate ports and the name of the ports

.....
.....

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở cảng này:
Animal and animal products to be discharged at this port

.....
.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ
các quy định về kiểm dịch động vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his
responsibility for full compliance with the said regulations on animal quarantine.

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu Bản khai vũ khí và vật liệu nổ:**BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ****DECLARATION OF ARMS AND EXPLOSIVE MATERIALS****Trang số:***Page number:***Tên tàu:***Name of ship***Số IMO***IMO number***Quốc tịch tàu:***Flag State of ship***Hồ hiệu:***Call sign***Tên thuyền trưởng:***Master's name***Đại lý tàu biển***Shipping agent*

Thứ tự <i>Order</i>	Loại vũ khí và vật liệu nổ <i>Kind and description of arm and explosive material</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Tên và số hiệu <i>Mark and number</i>	Nơi cất giữ, bảo quản <i>Stored place</i>

Chữ ký đại lý*Agent's signature***Chữ ký thuyền trưởng***Master's signature***Địa điểm, thời gian***Place and date***Địa điểm, thời gian***Place and date*

Mẫu Bản khai người trốn trên tàu:

BẢN KHAI NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU
DECLARATION OF STOWAWAY

1. CHI TIẾT VỀ TÀU/SHIP DETAILS

Tên tàu/ <i>Name of ship:</i>	Đại lý cảng tiếp/ <i>Agent in next port:</i>
Số IMO/ <i>IMO number:</i>	Địa chỉ đại lý/ <i>Agent address:</i>
Quốc tịch tàu/ <i>Flag State of ship:</i>	IRCS:
Công ty tàu/ <i>Company:</i>	Số INMARSAT/ <i>INMARSAT number:</i>
Địa chỉ công ty/ <i>Company address:</i>	Cảng đăng ký/ <i>Port of registry:</i>
Tên thuyền trưởng/ <i>Name of the Master:</i>	
Đại lý tàu biển/ <i>Shipping agent:</i>	

2. CHI TIẾT VỀ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU/STOWAWAY DETAILS

Thời gian phát hiện trên tàu/*Date/time found on board:*
 Nơi tìm thấy trên tàu/*Place of boarding:*
 Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/*Country of boarding:*
 Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu/*Date/time of boarding:*
 Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/*Intended final destination:*
 Lời khai lý do trốn trên tàu/*Stated reasons for boarding ship:*
 Họ/*Surname:* Tên/*Given name:*
 Tên khác/*Name by which known:*
 Giới tính/*Gender:*
 Ngày sinh/*Date of birth:*
 Nơi sinh/*Place of birth:*
 Khai báo về quốc tịch/*Claimed nationality:*
 Địa chỉ nhà riêng/*Home address:*
 Quốc gia cư trú/*Country of domicile:*
 Số-loại giấy tờ /*ID document type, e.g. Passport No:*
 Sổ thuyền viên/*Seaman's book No:*
 Nếu có/*If yes,*
 Ngày cấp/*When issued:*
 Nơi cấp/*Where issued:*
 Ngày hết hạn/*Date of expiry:*
 Cơ quan cấp/*Issued by:*
 Ảnh của người trốn trên tàu/*Photograph of the stowaway:*
 Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/
General physical description of the stowaway:
 Ngôn ngữ sử dụng chính/*First language:*
 Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*
 Khả năng đọc/*Read:*
 Khả năng viết/*Written:*
 Ngôn ngữ khác/*Other languages:*
 Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*
 Khả năng đọc/*Read:*
 Khả năng viết/*Written:*

3. CÁC CHI TIẾT KHÁC/OTHER DETAILS

(1) Phương thức trốn trên tàu, bao gồm cả những người liên quan (ví dụ: thủy thủ, công

nhân cảng.v.v...) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/*Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:*

(2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/*Inventory of the Stowaway's possessions:*

(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/*Statement made by the Stowaway:*

(4) Tờ khai của thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/*Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway).*

Các ngày thực hiện phỏng vấn/*Date(s) of Interview(s):*

CHỮ KÝ
NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU
STOWAWAY'S SIGNATURE
DATE:

CHỮ KÝ
THUYỀN TRƯỞNG
MASTER'S SIGNATURE
DATE:

CHỮ KÝ ĐẠI LÝ
AGENT'S SIGNATURE
DATE:

10. Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia rời cảng thủy nội địa Việt Nam

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trường hợp thực hiện trực tiếp tại địa điểm làm thủ tục, người làm thủ tục nộp, xuất trình giấy tờ cho cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định. Các cơ quan có thẩm quyền phải trả giấy tờ quy định cho người làm thủ tục ngay sau khi kiểm tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Trường hợp làm thủ tục điện tử, chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện dự kiến đến cửa khẩu, người làm thủ tục phải khai báo giấy tờ quy định theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành việc nộp, xuất trình hoặc khai báo điện tử đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở thông báo kết quả giải quyết thủ tục theo chuyên ngành của các cơ quan liên quan, Cảng vụ cấp Giấy phép cho phương tiện rời cảng bản giấy hoặc bản điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Khi phương tiện đến cửa khẩu phải xuất trình các loại giấy tờ đã làm thủ tục xuất cảnh tại cảng xuất cảnh cho các cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu kiểm tra trước khi phương tiện rời khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Trường hợp phương tiện không thể xuất cảnh đi Campuchia theo kế hoạch, người làm thủ tục phải thông báo và nộp lại các loại giấy tờ đã làm thủ tục xuất cảnh tại cửa khẩu cảng xuất cảnh để hủy hồ sơ xuất cảnh.

c) Trách nhiệm làm thủ tục

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan thực hiện kiểm tra và chịu trách nhiệm đối với kết quả kiểm tra các giấy tờ theo quy định.

- Cảng vụ căn cứ thông tin tàu thuyền và kết quả giải quyết thủ tục của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác để quyết định giải quyết thủ tục xuất cảnh rời cảng.

10.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

10.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Các giấy tờ phải nộp (mỗi loại 01 bản chính hoặc bản điện tử):

+ Nộp cho Cảng vụ: Bản khai chung theo Mẫu; Danh sách thuyền viên theo Mẫu; Danh sách hành khách theo Mẫu; Bản khai hàng hóa theo Mẫu.

+ Nộp cho Cơ quan Hải quan: Bản khai chung theo Mẫu; Danh sách thuyền viên theo Mẫu; Danh sách hành khách theo Mẫu; Bản khai hàng hóa theo Mẫu.

+ Nộp cho Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu: Bản khai chung theo Mẫu; Danh sách thuyền viên theo Mẫu; Danh sách hành khách theo Mẫu; Bản khai vũ

khí và vật liệu nổ (nếu có) theo Mẫu; Bản khai người trôn trên tàu (nếu có) theo Mẫu.

+ Nộp cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật theo Mẫu.

+ Nộp cho cơ quan kiểm dịch động vật: Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật theo Mẫu.

- Các giấy tờ phải xuất trình:

+ Giấy tờ xuất trình Cảng vụ: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện; giấy tờ liên quan tới những thay đổi so với giấy tờ khi làm thủ tục cho tàu thuyền vào cảng.

+ Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện.

+ Giấy tờ xuất trình cho Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu: Hộ chiếu.

+ Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật).

+ Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật).

+ Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

10.4. Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành việc nộp, xuất trình hoặc khai báo điện tử đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở thông báo kết quả giải quyết thủ tục theo chuyên ngành của các cơ quan liên quan, Cảng vụ cấp Giấy phép cho phương tiện rời cảng bản giấy hoặc bản điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan hải quan, Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu, Cơ quan kiểm dịch thực vật, Cơ quan kiểm dịch động vật, Cơ quan kiểm dịch y tế.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép điện tử cho phương

tiện rời cảng thủy nội địa.

10.8. Phí, lệ phí: Theo phí, lệ phí quy định tại Thông tư số 39/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy phép rời cảng thủy nội địa;
- Bản khai chung;
- Danh sách thuyền viên;
- Danh sách hành khách;
- Bản khai hàng hóa;
- Bản khai kiểm dịch thực vật;
- Bản khai kiểm dịch động vật;
- Bản khai vũ khí và vật liệu nổ;
- Bản khai người trốn trên tàu.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa;

- Thông tư số 39/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

Mẫu Giấy phép rời cảng:

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Cơ quan có thẩm quyền cấp Độc lập - Tự do - Hạnh phúc GIẤY PHÉP RỜI CẢNG PORT CLEARANCE Giấy phép rời cảng số:..... Port Clearance No. Tên tàu:..... Name of ship Quốc tịch tàu:..... Flag State of ship Dung tích toàn phần:..... Gross tonnage Số lượng thuyền viên:..... Number of crews Số lượng hành khách:..... Number of passengers Hàng hóa trên tàu:..... Cargo Hàng hóa quá cảnh:..... Transit cargo Rời cảng hồi:.....giờ.....ngày....tháng....năm..... Time of departure date Có hiệu lực đến:.....giờ.....ngày....tháng....năm..... Valid until date Cảng đến:..... Next port of call Cấp:.....giờ.....ngày....../...../ Issued at on NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Cơ quan có thẩm quyền cấp Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Socialist Republic of Vietnam Independence - Freedom - Happiness GIẤY PHÉP RỜI CẢNG² PORT CLEARANCE Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Hồ hiệu:..... Số đăng ký hành chính: (*) Name of ship Flag State of ship Call sign Official number Dung tích toàn phần:..... Tên thuyền trưởng:..... Gross tonnage Name of master Số lượng thuyền viên:..... Số lượng hành khách:..... Number of crews Number of passenger Hàng hóa trên tàu:..... Hàng hóa quá cảnh:..... Transit cargo Thời gian rời cảng:.....giờ.....ngày....tháng....năm..... Time of departure Date Cảng đến:..... Next port of call Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến...giờ....ngày....tháng....năm... This port clearance is valid until Giấy phép số:...../CV..... N^o Ngày.....tháng....năm 20.... Date..... (*) Mục này chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa. Only for inland waterway ships. NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN Director
---	---

Mẫu Bản khai chung:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*****Socialist Republic of Vietnam******Independence - Freedom - Happiness*****BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION**

		☐ Vào Arrival	☐ Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship			
1.2 Số chuyến đi: Voyage number			
2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure		3. Thời gian đến/rời cảng Date and time of arrival/departure	
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (date, number and Port of registry)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of ship's agent	
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Dung tích có ích: Net tonnage		
11. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage Các cảng trước: Previous ports of call Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged			
12. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Brief description of the cargo			
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit
Xuất khẩu Export cargo			
.....			
Nhập khẩu Import cargo			
.....			
Nội địa Domestic cargo			
....			

Hàng trung chuyển Transshipment cargo				
.....				
Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port				
.....				
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit				
.....				
13. Số thuyền viên Number of crew	14. Số hành khách Number of passengers	15. Ghi chú: Remarks - Trọng tải toàn phần: Deadweight (DWT)		
16. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	17. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration	- Mớn nước mũi, lái: Draft F/A - Chiều dài lớn nhất: LOA - Chiều rộng lớn nhất: Breadth - Chiều cao tính không: Air draft - Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu: Type of fuel - Lượng nhiên liệu trên tàu: Remain on board (R.O.B) - Tên và địa chỉ chủ tàu: Name and address of the shipowners - Các thông tin cần thiết khác (nếu có) And others (If any)		
18. Danh sách thuyền viên Crew List	19. Danh sách hành khách Passenger List	20. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities		
21. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration (only on arrival) (*)	22. Bản khai kiểm dịch y tế (*) Maritime Declaration			

	of Health (only on arrival) (*)	
22.1 Số đăng ký hành chính Official number		22.2 Số đăng kiểm Registry number
22.3 Mã số Giấy phép rời cảng (*) Number of port clearance		
<i>Ghi chú:</i> <i>Note:</i> (*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng. Only on arrival. Mục 22.1 và 22.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa. No 22.1 and 22.2: Only for inland waterway ships.		23....., ngày... tháng... năm... Date Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền) Master (or authorized agent or officer)

Mẫu Danh sách thuyền viên:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN**CREW LIST**

										Vào Arrival	Rời Departure	Trang số: Page No.
1.1 Tên tàu:					1.2 Số IMO			1.3 Hô hiệu:		1.4 Số chuyến đi		
Name of ship					IMO number			Call sign		Voyage number		
2. Cảng vào/rời:					3. Ngày vào/rời:			4. Quốc tịch tàu:		5. Cảng rời cuối cùng:		
Port of arrival/departure					Date of arrival/departure			Flag State of ship		Last port of call		
5.1 Số đăng ký hành chính					5.2 Số đăng kiểm							
Official number					Registry number							
6. STT No.	7. Họ Family name	8. Tên Given name	9. Chức danh Rank of rating	10. Quốc tịch (*) Nationality	11. Ngày sinh (*) Date of birth	12. Nơi sinh (*) Place of birth	13. Giới tính Gender	14. Loại giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên/ Số định danh cá nhân) Nature of identity document (seaman's passport/ Personal identification number)	15. Số giấy tờ nhận dạng Number of identity document	16. Quốc gia cấp giấy tờ nhận dạng Issuing State of identity document	17. Ngày hết hạn của giấy tờ nhận dạng Expiry date of identity document	

Ghi chú:

Note:

Mục 5.1 và 5.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 5.1 and 5.2: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

(18)....., ngày.....tháng.....năm.....

Date

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu Danh sách hành khách:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày..... tháng..... năm 20...

....., date.....

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

PASSENGER LIST

Tên tàu thuyền: Số đăng ký:

Name of ship

Registration number

Tên chủ tàu thuyền:

Name of shipowner

Địa chỉ:

Address

Tên thuyền trưởng: Số GCNKNCM (CCCM):

Name of Master

Certificate of Professional Competency No.

Tuyến vận tải

Transport route

Thời gian rời bến: hồi..... giờ....., ngày/...../20.....

Departure time from port: at, date

Quốc tịch: Việt Nam người; nước ngoài người

Nationality: Vietnamese persons; foreigners persons

STT No.	Họ và tên Full name	Ngày sinh Date of birth	Quốc tịch Nationality	Số hộ chiếu/ Số định danh cá nhân Passport No./ Personal Identification No.
1				
2				
3				
.....				

Tổng số hành kháchngười (bằng chữ người)

Total number of passengers: persons (in words persons)

Ghi chú: lấy thông tin của hành khách, để phục vụ cho việc liên lạc.

Note: Passenger information is collected for contact purposes.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KHAI THÁC

CẢNG, BẾN

REPRESENTATIVE OF

PORT/TERMINAL OPERATOR

(ký ghi rõ họ, tên)

(signature and full name)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

PREPARED BY

(ký ghi rõ họ, tên)

(signature and full name)

Mẫu Bản khai hàng hóa:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

**BẢN KHAI HÀNG HÓA
CARGO DECLARATION**

	☐ Vào Arrival	☐ Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu Name of ship	1.2 Số IMO IMO number		
1.3 Số chuyến đi Voyage number	2. Cảng lập bản khai: Port where report is made		
3. Quốc tịch tàu Flag State of ship	4. Tên thuyền trưởng: Name of master		
5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge			
Vận đơn số* B/L No	6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos.	7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods or, if available, the Harmonized System (HS) code	8. Tổng trọng lượng Gross weight
	9. Kích thước Measurement		
Xuất khẩu Export cargo			
Nhập khẩu Import cargo			
Nội địa Domestic cargo			
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port			
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity			

of cargo in transit			
Hàng trung chuyển Transshipment cargo			
9.1 Số đăng ký hành chính Official number	9.2 Số đăng kiểm Registry number		

* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.

B/L No: Also state original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading

Note: Mục 9.1 và 9.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa

No 9.1 and 9.2: Only for inland waterway ships.

(10)....., ngày.....tháng.....năm.....

Date

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu Bản khai kiểm dịch thực vật:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom – Happiness

**BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT
DECLARATION FOR PLANT QUARANTINE**

Tên tàu: Quốc tịch tàu:

Name of ship

Flag State of ship

Tên thuyền trưởng: Tên bác sỹ:

Name of master

Name of doctor

Số thuyền viên: Số hành khách:

Number of crew

Number of passengers

Cảng rời cuối cùng: Cảng đến tiếp theo:

Last port of call

Next port of call

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:
The first port of loading and the date of departure:Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở cảng đầu tiên:
Name, quantity and weight of plant goods loaded at the first port:Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:
Name, quantity, weight of plant goods loaded at the intermediate ports and the names of these ports:Tên, số lượng và khối lượng hàng thực vật cần bốc ở cảng này:
Name, quantity and weight of plant goods to be discharged at this port:Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch thực vật.
The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on plant quarantine.

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu Bản khai kiểm dịch động vật:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

**BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE**

Tên tàu: Quốc tịch tàu:

Name of ship Flag State of ship

Tên thuyền viên: Tên hành khách:

Name of crew Name of passengers

Cảng rời cuối cùng: Cảng đến tiếp theo:

Last port of call Next port of call

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:
Animal and animal products loaded at the first port.....
.....Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở các cảng trung gian và tên cảng đó:
Animal and animal products loaded at the intermediate ports and the name of the ports.....
.....Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở cảng này:
Animal and animal products to be discharged at this port.....
.....Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ
các quy định về kiểm dịch động vật.The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his
responsibility for full compliance with the said regulations on animal quarantine.

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**Master (Authorized agent or officer)****Mẫu Bản khai vũ khí và vật liệu nổ:**

BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ
DECLARATION OF ARMS AND EXPLOSIVE MATERIALS

Trang số:
Page number:

Tên <i>Name of ship</i>	tàu:	Số <i>IMO number</i>	IMO
Quốc tịch <i>Flag State of ship</i>	tàu:	Hô <i>Call sign</i>	hiệu:
Tên thuyền trưởng <i>Master's name</i>	trưởng:	Đại lý <i>Shipping agent</i>	tàu biển

Thứ tự <i>Order</i>	Loại vũ khí và vật liệu nổ <i>Kind and description of arm and explosive material</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Tên và số hiệu <i>Mark and number</i>	Nơi cất giữ, bảo quản <i>Stored place</i>

Chữ ký đại lý
Agent's signature

Chữ ký thuyền trưởng
Master's signature

Địa điểm, thời gian
Place and date

Địa điểm, thời gian
Place and date

Mẫu Bản khai người trốn trên tàu:

BẢN KHAI NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU
DECLARATION OF STOWAWAY

1. CHI TIẾT VỀ TÀU/SHIP DETAILS

Tên tàu/ <i>Name of ship:</i>	Đại lý cảng tiếp/ <i>Agent in next port:</i>
Số IMO/ <i>IMO number:</i>	Địa chỉ đại lý/ <i>Agent address:</i>
Quốc tịch tàu/ <i>Flag State of ship:</i>	IRCS:
Công ty tàu/ <i>Company:</i>	Số INMARSAT/ <i>INMARSAT number:</i>
Địa chỉ công ty/ <i>Company address:</i>	Cảng đăng ký/ <i>Port of registry:</i>
Tên thuyền trưởng/ <i>Name of the Master:</i>	
Đại lý tàu biển/ <i>Shipping agent:</i>	

2. CHI TIẾT VỀ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU/STOWAWAY DETAILS

Thời gian phát hiện trên tàu/*Date/time found on board:*
 Nơi tìm thấy trên tàu/*Place of boarding:*
 Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/*Country of boarding:*
 Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu/*Date/time of boarding:*
 Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/*Intended final destination:*
 Lời khai lý do trốn trên tàu/*Stated reasons for boarding ship:*
 Họ/*Surname:* Tên/*Given name:*
 Tên khác/*Name by which known:*
 Giới tính/*Gender:*
 Ngày sinh/*Date of birth:*
 Nơi sinh/*Place of birth:*
 Khai báo về quốc tịch/*Claimed nationality:*
 Địa chỉ nhà riêng/*Home address:*
 Quốc gia cư trú/*Country of domicile:*
 Số-loại giấy tờ /*ID document type, e.g. Passport No:*
 Sổ thuyền viên/*Seaman's book No:*
 Nếu có/*If yes,*
 Ngày cấp/*When issued:*
 Nơi cấp/*Where issued:*
 Ngày hết hạn/*Date of expiry:*
 Cơ quan cấp/*Issued by:*
 Ảnh của người trốn trên tàu/*Photograph of the stowaway:*
 Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/
General physical description of the stowaway:
 Ngôn ngữ sử dụng chính/*First language:*
 Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*
 Khả năng đọc/*Read:*
 Khả năng viết/*Written:*
 Ngôn ngữ khác/*Other languages:*
 Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*
 Khả năng đọc/*Read:*
 Khả năng viết/*Written:*

3. CÁC CHI TIẾT KHÁC/OTHER DETAILS

(1) Phương thức trốn trên tàu, bao gồm cả những người liên quan (ví dụ: thủy thủ, công nhân cảng.v.v...) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/*Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:*

(2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/*Inventory of the Stowaway's possessions:*

(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/*Statement made by the Stowaway:*

(4) Tờ khai của thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/*Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway).*

Các ngày thực hiện phỏng vấn/*Date(s) of Interview(s):*

CHỮ KÝ
NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU
STOWAWAY'S SIGNATURE
DATE:

CHỮ KÝ
THUYỀN TRƯỞNG
MASTER'S SIGNATURE
DATE:

CHỮ KÝ ĐẠI LÝ
AGENT'S SIGNATURE
DATE:

11. Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi đưa công trình bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh vào khai thác, chủ bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã công bố mở khai thác bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh.

- Bến thủy nội địa, bến khách ngang sông phải thực hiện công bố khi: có sự thay đổi về quy mô hoặc công năng sử dụng; hết thời hạn công bố hoạt động hoặc hết tuổi thọ thiết kế vẫn có nhu cầu tiếp tục khai thác.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy Ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ công bố mở bến thủy nội địa:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản phê duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật công trình của cơ quan có thẩm quyền.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng cảng, bến thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng và mặt cắt ngang công trình.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu kết quả rà tìm vật chướng ngại trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa; biên bản xác nhận thiết lập báo hiệu tại cảng, bến thủy nội địa.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của pông-tông, phương tiện, kết cấu nổi thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng pông-tông, phương tiện, kết cấu nổi làm cảng, bến thủy nội địa).

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).

b) Thành phần hồ sơ công bố mở bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông).

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của pông-tông, phương tiện, kết cấu nổi thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng pông-tông, phương tiện, kết cấu nổi làm bến).

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu kết quả rà quét vật chướng ngại trong vùng nước bến.

c) Thành phần hồ sơ công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông khi có sự thay đổi về quy mô hoặc công năng sử dụng; hết thời hạn công bố hoạt động hoặc hết tuổi thọ thiết kế vẫn có nhu cầu tiếp tục khai thác

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị công bố mở.

- Báo cáo kiểm định, đánh giá chất lượng công trình do tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện.

- Hồ sơ, biên bản nghiệm thu hoàn thành cải tạo, sửa chữa, nâng cấp (nếu có).

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến thủy nội địa, bến khách ngang sông.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế

bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy Ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công bố mở.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định công bố mở cảng thủy nội địa, khu neo đậu.

11.8. Phí, lệ phí:

Phí Thẩm tra, thẩm định công bố mở bến thủy nội địa: 100.000 đồng/lần (bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh không phải nộp phí này).

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh.

- Quyết định công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Văn bản đề nghị công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án, bến dân sinh:

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Công bố mở cảng thủy nội địa/bến thủy nội địa/bến khách ngang sông/bến dân sinh/kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án(2).....

Kính gửi:(1)

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ...(nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)...

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố mở cảng (bến)(2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ(3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh, ...

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố

Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Ngày cấp:; Thửa đất số:; Tờ bản đồ số:; Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nhất (nếu có):

2. Cảng/bến thuộc loạiCấp kỹ thuật của cảng/bến

3. Phạm vi sử dụng:

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác,...).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước vùng neo chờ.....tại vị trí có tọa độ (3)

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Tiếp nhận phương tiện với mớn nước m.

10. Nội dung khác (nếu có):

11. Hồ sơ gửi kèm:

12. Cam kết: Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (2) Tên cảng/bến,...
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

Bến khách ngang sông trên cùng địa bàn xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

Mẫu Quyết định công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh:

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CÔNG BỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mở cảng thủy nội địa/bến thủy nội địa/bến khách ngang sông/bến dân sinh/kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án
.....(1).....

.....(2).....

Căn cứ;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở cảng thủy nội địa/bến thủy nội địa/bến khách ngang sông/bến dân sinh/kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án
.....(1).....

Tại vị trí có tọa độ: (Hệ tọa độ VN 2000)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại số Fax

Loại cảng/bến(cảng/bến thủy nội địa: hàng tổng hợp, hàng lỏng/ khí, container, hành khách, hàng rời/ bến khách ngang sông).....

Cấp kỹ thuật của cảng

Vùng đất của cảng/bến

Kết cấu công trình cảng/bến(3).....

Được phép tiếp nhận phương tiện với món nướcm.

Mục đích sử dụng: ...(hàng hóa, chuyên dùng, hành khách, hỗn hợp, container)....

Vùng nước của cảng/bến theo bình đồ (sơ đồ) vùng nước cảng/bến do cơ quan, đơn vị thực hiệnngàytháng ...năm ...; Chiều dài....., chiều rộng.....

Thiết bị xếp, dỡ

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên công trình.
 - (2) Chức danh Người có thẩm quyền quyết định.
 - (3) Liệt kê cụ thể công trình chính và các cầu tàu, công trình phụ trợ, các thiết bị xếp dỡ cố định như băng tải, cần trục điện.
- Quyết định công bố thay đổi, điều chỉnh chỉ ghi nội dung thay đổi theo quy định.

12. Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao chuẩn bị dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật bến thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

- Ủy ban nhân dân cấp xã cho ý kiến đối với bến thủy nội địa trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Trước khi có văn bản cho ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến của Chi cục Hàng hải và Đường thủy (trên đường thủy nội địa quốc gia hoặc vùng nước hàng hải) hoặc Sở Xây dựng (trên đường thủy nội địa địa phương hoặc khu vực được phân cấp).

- Bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, trước khi thẩm định, cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa theo phạm vi quản lý.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hồ sơ dự án.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ vị trí xây dựng cảng, bến thủy nội địa: thể hiện địa danh, vị trí công trình cảng, bến, kho, bãi, vùng nước, lý trình (km) sông, kênh, rạch; vùng đất; các

công trình liền kề (nếu có). Vùng nước trên bản vẽ phải thể hiện chiều rộng từ mép bờ đến hết chiều rộng luồng. Bình đồ được lập trên hệ tọa độ quốc gia VN2000 và cao độ nhà nước, có tỷ lệ từ 1/500 đến 1/1.000.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi cục Hàng hải và Đường thủy hoặc Sở Xây dựng có văn bản trả lời. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục Hàng hải và Đường thủy hoặc Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản cho ý kiến gửi chủ đầu tư.

- Bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa có văn bản trả lời. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cảng vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản cho ý kiến gửi chủ đầu tư.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Cơ quan phối hợp: Chi cục Hàng hải và Đường thủy hoặc Sở Xây dựng; Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa; các cơ quan liên quan (nếu có).

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.

12.8. Phí, lệ phí: Không có.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề nghị cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;
- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa:

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng
thủy nội địa/bến thủy nội địa/khu neo đậu/bến khách ngang sông/kết cấu hạ
tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án**

Kính gửi:(1)

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân:....(nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước).....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng (cảng, bến thủy nội địa/bến khách ngang sông/khu neo
đậu/ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ(2).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên (bên) bờ phải hay bờ trái) sông, kênh.....

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố

Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất:; Ngày cấp:; Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất:; Nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất mới nhất (nếu có):

2. Quy mô dự kiến.....

3. Công năng của cảng thủy nội địa/ bến thủy nội địa/ bến khách ngang
sông/ khu neo đậu/ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công
trình, dự án

4. Phạm vi sử dụng

- Khu đất:

- Vùng nước:.....

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện với món nướcmét.

6. Thời gian thực hiện:

7. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam
kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường
thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến.
- (2) Hệ tọa độ VN2000.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

13. Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Ủy ban nhân dân cấp xã cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Trước khi cho ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến của Chi cục Hàng hải và Đường thủy (công trình xây dựng trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia) hoặc Sở Xây dựng (công trình xây dựng trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương) về ảnh hưởng của công trình đến an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Sở Xây dựng trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.

- Trường hợp bến khách ngang sông có một hoặc nhiều vị trí bến đối lưu ở địa bàn xã khác hoặc tỉnh, thành phố khác, trước khi cho ý kiến xây dựng bến, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp có bến đối lưu.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng: thể hiện địa danh, vị trí công trình lân cận (nếu có), tọa độ công trình, tọa độ khu đất, tọa độ vùng nước hoặc lý trình (km) sông, kênh, rạch theo hệ tọa độ VN2000.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Sở Xây dựng trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- d) Cơ quan phối hợp: Chi cục Hàng hải và Đường thủy hoặc Sở Xây dựng; các cơ quan liên quan (nếu có).

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh.

13.8. Phí, lệ phí: Không có.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

Văn bản đề nghị cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;
- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh:

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng
thủy nội địa/bến thủy nội địa/khu neo đậu/bến khách ngang sông/kết cấu hạ
tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án**

Kính gửi:(1)

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân:....(nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước).....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng (cảng, bến thủy nội địa/bến khách ngang sông/khu neo
đậu/ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ(2).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên (bên) bờ phải hay bờ trái) sông, kênh.....

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố

Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất:; Ngày cấp:; Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất:; Nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất mới nhất (nếu có):

2. Quy mô dự kiến.....

3. Công năng của cảng thủy nội địa/ bến thủy nội địa/ bến khách ngang
sông/ khu neo đậu/ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công
trình, dự án

4. Phạm vi sử dụng

- Khu đất:

- Vùng nước:.....

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện với món nướcmét.

6. Thời gian thực hiện:

7. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam
kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường

thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến.
- (2) Hệ tọa độ VN2000.

14. Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao chuẩn bị dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) phải lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật đường thủy nội địa.

Chủ đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật đường thủy nội địa trên địa giới hành chính địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng có ý kiến bằng văn bản gửi chủ đầu tư.

14.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án.
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hồ sơ thiết kế sơ bộ đường thủy nội địa.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng có ý kiến bằng văn bản gửi chủ đầu tư.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.**14.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

d) Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan (nếu có).

14.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa.

14.8. Phí, lệ phí: Không có.**14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:**

Văn bản đề nghị cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề nghị cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa:

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường
thủy nội địa....(1)...**

Kính gửi:(2).....

Căn cứ;

Tên tổ chức hoặc cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị(2)..... xem xét, cho ý kiến thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa (luồng, âu tàu, ...) (1)..... với các thông tin dưới đây:

1. Sự cần thiết xây dựng đường thủy nội địa:
2. Quy mô, lý trình, địa danh khu vực đường thủy nội địa (các điểm giới hạn phạm vi công trình theo hệ tọa độ VN-2000):
.....

3. Các thông số kỹ thuật cơ bản:(bề rộng, chiều sâu chạy tàu, bán kính cong, mực nước thiết kế, ...).

4. Công trình hiện có trên đường thủy nội địa (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền)....

5. Phân kỳ đầu tư.....

6. Thời gian khai thác (dự kiến).....

7. Nội dung khác (nếu có):

8. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Đề nghị(2)..... xem xét, trả lời./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên đường thủy nội địa.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến.

15. Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân có luồng không có nhu cầu khai thác, sử dụng nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố đóng luồng đường thủy nội địa trong địa giới hành chính địa phương.

- Tổ chức, cá nhân có luồng đường thủy nội địa chịu trách nhiệm thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đóng luồng đường thủy nội địa có hiệu lực. Chi phí thực hiện đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

15.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố đóng luồng đường thủy nội địa trong địa giới hành chính địa phương.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

15.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố đóng luồng.

15.8. Phí, lệ phí: Chi phí liên quan khi đóng luồng chuyên dùng do tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng chi trả, trừ trường hợp đóng luồng vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh do cơ quan đề nghị đóng luồng chi trả.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không có.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

16. Công bố mở khu neo đậu

16.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Chủ khu neo đậu gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố mở khu neo đậu đến Sở Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC: Trong thời hạn 4 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng ban hành quyết định công bố mở khu neo đậu.

16.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

16.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị công bố mở khu neo đậu.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phao neo (nếu dùng phao neo).

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu rà quét vật chướng ngại.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

16.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Không.

16.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố mở khu neo đậu.

16.8. Phí, lệ phí: Không.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Văn bản đề nghị công bố mở khu neo đậu.

- Quyết định công bố mở khu neo đậu.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu văn bản đề nghị công bố mở khu neo đậu:**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

Số: .../...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Công bố mở khu neo đậu(1)
Kính gửi:(2).....

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân: ...(nếu là cá nhân ghi: họ tên, ngày sinh, số căn cước)...

Người đại diện theo pháp luật (họ tên, ngày sinh, số căn cước):.....

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố mở khu neo đậu(1)

1. Vị trí có tọa độ(3)

Cách bờ (phải hay trái)sông, kênh và cách biên luồng chính
.....m; nằm ngoài / trong hành lang bảo vệ đường thủy nội địa:.....Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố Số
giấy chứng nhận (hoặc văn bản) được sử dụng vùng nước (do cơ quan có thẩm
quyền cấp):; Ngày cấp:; Vị trí có tọa độ(3); Cơ quan
cấp giấy chứng nhận được sử dụng vùng nước:

2. Mục đích sử dụng:

3. Phạm vi khu nước sử dụng:

4. Thiết bị neo đậu phương tiện:

5. Phương tiện, thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Tiếp nhận phương tiện với môn nước m.

7. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết
thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy
nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung văn bản này./.**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên khu neo đậu.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu Quyết định công bố mở khu neo đậu:**CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CÔNG BỐ**

Số: /QĐ-...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố mở khu neo đậu.....(1).....****.....(2).....***Căn cứ*;*Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở khu neo đậu.....**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Nay công bố mở khu neo đậu:(1)

Thuộc tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại số Fax:

Ngàydo (cơ quan)

Vị trí có tọa độ(3) ...cách bờ (phải hay trái) ...sông, kênh...cách luồng chính...m;

Thuộc xã (phường, đặc khu) tỉnh /thành phố

Mục đích sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng:

Có khả năng tiếp nhận phương tiện với mớn nước.....m.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**Điều 3.** ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên công trình.

(2) Chức danh Người có thẩm quyền quyết định.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Quyết định công bố thay đổi, điều chỉnh chỉ ghi nội dung thay đổi theo quy định.

17. Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu

17.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng khu neo đậu, chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao chuẩn bị dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) gửi 01 (một) bộ hồ sơ lấy ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu của Sở Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng có văn bản cho ý kiến gửi chủ đầu tư.

- Khu neo đậu trong vùng nước cảng biển, trước khi thẩm định, cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng, Sở Xây dựng lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa theo phạm vi quản lý.

17.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

17.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc bản mẫu điện tử văn bản đề nghị.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hồ sơ dự án.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ vị trí xây dựng cảng, bến thủy nội địa: thể hiện địa danh, vị trí công trình cảng, bến, kho, bãi, vùng nước, lý trình (km) sông, kênh, rạch; vùng đất; các công trình liên kề (nếu có). Vùng nước trên bản vẽ phải thể hiện chiều rộng từ mép bờ đến hết chiều rộng luồng. Bình đồ được lập trên hệ tọa độ quốc gia VN2000 và cao độ nhà nước, có tỷ lệ từ 1/500 đến 1/1.000.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu

chuyên ngành được vận hành).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

17.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

17.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

17.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Không.

17.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản thỏa thuận thiết lập khu neo đậu.

17.8. Phí, lệ phí: Không có.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Mẫu Văn bản cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

17.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu:

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa/bến thủy nội địa/khu neo đậu/bến khách ngang sông/kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án

Kính gửi:(1)

Căn cứ

Tên tổ chức, cá nhân:....(nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước).....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng (cảng, bến thủy nội địa/bến khách ngang sông/khu neo đậu/kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ(2)

Từ km thứ đến km thứ

Trên (bên) bờ phải hay bờ trái) sông, kênh.....

Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) tỉnh / thành phố

Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Ngày cấp:; Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:; Nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nhất (nếu có):

2. Quy mô dự kiến.....

3. Công năng của cảng thủy nội địa/ bến thủy nội địa/ bến khách ngang sông/ khu neo đậu/ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án

4. Phạm vi sử dụng

- Khu đất:

- Vùng nước:.....

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện với món nướcmét.

6. Thời gian thực hiện:

7. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản này.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến.
- (2) Hệ tọa độ VN2000.

18. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa

18.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi thi công công trình hoặc tổ chức các hoạt động trên đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình, tổ chức hoạt động gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng, Cảng vụ.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng, Cảng vụ có văn bản công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân.

- Khi có vật chướng ngại đột xuất; hoạt động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn trên đường thủy nội địa làm hạn chế chuẩn tắc luồng đã được công bố, Sở Xây dựng, Cảng vụ căn cứ yêu cầu thực tế xác định biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

18.2. Cách thức thực hiện:

- Việc nộp hồ sơ và trả kết quả được thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi tỉnh, thành phố.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (ghi rõ vị trí, thời gian hạn chế thi công).

- Bản sao hoặc bản sao điện tử từ bản chính phương án bảo đảm an toàn giao thông.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

18.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

18.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân.

18.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng, Cảng vụ.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Cảng vụ.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

18.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

18.8. Phí, lệ phí: Không có.

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính: Không có.

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

18.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;
- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;
- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

19. Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

19.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa lập 02 bộ hồ sơ theo quy định và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa, Sở Xây dựng phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

19.2. Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

19.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh.
- Bản sao Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài do người quản lý khai thác cảng tổ chức thực hiện lần đầu và định kỳ hàng năm theo Mẫu và có sự tham gia họp đánh giá của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, gồm: cơ quan Công an, Biên phòng, Hải quan, Cảng vụ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Kiểm dịch động vật (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ hồ sơ.

19.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Sở Xây dựng phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

19.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

19.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng; Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa.

19.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

19.8. Phí, lệ phí: 11.000.000 đồng/lần.

19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Văn bản đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

- Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

- Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

19.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa;

- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

**ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG
TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI**
(Lần đầu)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:

Thời gian tổ chức đánh giá:

(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu hạn chế lưu hành, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật).

..., ngày ... tháng ... năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Lời nói đầu

- I. Khái quát về cảng (1)
- II. Cơ sở pháp lý đối với việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (2)
- III. Phương án thực hiện đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (3)
- IV. Các tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ (4)
- V. Các mối đe dọa đối với cảng (5)
- VI. Hậu quả của các sự cố an ninh (6)
- VII. Các khuyến nghị
- VIII. Các Phụ lục

Phụ lục 1: Sơ đồ cảng

Phụ lục 2: Danh mục các cầu, bến cảng

Phụ lục 3: Phân tích rủi ro đối với mối đe dọa, tình huống giả định áp vào một tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm các nội dung:

- Quan sát, khảo sát ngay tại vị trí tài sản, kết cấu hạ tầng được thiết lập để mô tả các đặc điểm, yếu tố của chúng dưới góc độ bảo đảm an ninh nếu tình huống giả định xảy ra. Cụ thể cần mô tả về:

+ Vị trí;

+ Vai trò, công dụng của tài sản, kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động chung của cảng;

+ Loại, cấp cấu trúc của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các kết cấu liền kề hoặc tiếp giáp với của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Hàng rào vòng ngoài;

+ Các lối, vị trí, nơi ra vào hoặc có thể tiếp cận tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các hệ thống, biện pháp an ninh, bảo vệ hiện đang được vận hành; quy định ra vào, báo động, giám sát xâm nhập, chiếu sáng, camera kiểm soát tiếp cận, xâm nhập v.v...

- Nhận xét về các khiếm khuyết, điểm yếu đối với các vấn đề nêu trong các nội dung đã được mô tả, nhất là về: hàng rào; lối ra vào, tiếp cận; việc lưu thông, qua lại khu vực tài sản, kết cấu hạ tầng; quy định, cách thức kiểm tra, kiểm soát; báo động; ý thức cảnh giác của cán bộ, nhân viên và việc phổ biến, huấn luyện về an ninh v.v...

- Các biện pháp an ninh cần thiết lập, áp dụng khi các cấp độ an ninh cao hơn được thiết lập cho cảng thủy nội địa:

+ Cấp độ an ninh 2;

+ Cấp độ an ninh 3.

- Tính toán, lập Bảng kết quả phân tích rủi ro đối với các mối đe dọa tiềm ẩn, phù hợp với tình hình an ninh thực tế của cảng mình.

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp cảng tập hợp, thu thập thông tin về cảng thủy nội địa như sau:

- a) Vị trí địa lý, diện tích và ranh giới tiếp giáp (vùng đất cảng, vùng nước trước cảng);
 - b) Vai trò của cảng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực hoặc quốc gia;
 - c) Số lượng và chủng loại hàng thông qua cảng;
 - d) Số lượt tàu đến cảng trong năm, loại tàu và quốc tịch tàu;
 - đ) Loại công trình cảng;
 - e) Các kết cấu hạ tầng của cảng;
 - g) Sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất, kinh doanh;
 - h) Các nội quy, quy định, quy trình hiện hành liên quan đến trật tự, trị an cảng;
- (2) Nêu rõ việc thực hiện các quy định của Thông tư này.

- (3) Nêu các nội dung: thành phần tham gia đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm những ai? Nội dung tập hợp thông tin về kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ và các vấn đề liên quan thực hiện trong bao lâu?
- (4) Tham khảo mục 15.7 Phần B của Bộ luật An ninh tàu và bến cảng (Bộ luật ISPS) để xác định những tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể nào là quan trọng, cần bảo vệ.
- (5) Xác định các mối đe dọa đối với cảng như trộm cắp, buôn lậu ma túy, di cư, vượt biên trái phép và lậu vé; trộm cắp có vũ trang đối với tàu biển; phá hoại; khủng bố và tham khảo mục 15.11 Phần B của Bộ luật ISPS để xác định các mối đe dọa, sự cố an ninh cụ thể có thể xảy ra đối với cảng của mình.
- (6) Nêu những hậu quả chung và hậu quả, ảnh hưởng hậu quả của các tình huống giả định.

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	Tổng quát		
1	Tên cảng thủy nội địa		
2	Doanh nghiệp cảng thủy nội địa		
3	Tên của cán bộ an ninh cảng thủy nội địa		
4	Số lượt tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
5	Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
6	Thời gian kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt		
7	Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị hay khai thác không?	☐ Có Chuyển đến Mục VI	☐ Không
8	Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có xảy ra sự cố an ninh nào không?	☐ Có Chuyển đến Mục VI	☐ Không
II	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
1	Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không?	☐ Có	☐ Không
2	Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hợp định kỳ không?	☐ Có Chu kỳ:	☐ Không
3	Cán bộ an ninh có được chỉ định bằng văn bản không?	☐ Có	☐ Không
4	Các thành viên trong ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	☐ Có	☐ Không
5	Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	☐ Có	☐ Không
6	Các nhân viên khác trong cảng có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	☐ Có	☐ Không
7	Cảng có thiết lập các quy trình nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm về an ninh đường thủy nội địa, kể cả Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
8	Cảng có thiết lập mối quan hệ với các cơ quan có liên quan đến an ninh đường thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
9	Cảng có ký bản cam kết an ninh với tàu không?	☐ Có	☐ Không
III	Các biện pháp an ninh		
1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
1.1	Các biện pháp an ninh thủy nội địa đang áp dụng có kiểm soát được		
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Công nhân tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Khách tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Thuyền viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Những người khác tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe ô tô chở (người, khách) tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Phương tiện thủy tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không

1.2	Cảng có xây dựng một hệ thống nhận dạng người và phương tiện ra vào cảng không?	☐ Có	☐ Không
1.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
1.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
2	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát các khu vực hạn chế trong cảng	☐ Có	☐ Không
2.1	Các khu vực hạn chế trong cảng có được chỉ báo rõ ràng hay không?	☐ Có	☐ Không
2.2	Các biện pháp an ninh hiện đang áp dụng có kiểm soát được:	☐ Có	☐ Không
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Công nhân tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Khách tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Thuyền viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Những người khác tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe ô tô con tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Tàu có tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
2.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
2.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
3.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hóa để bảo đảm chỉ những hàng hóa đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không?	☐ Có	☐ Không
3.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển hàng hóa để bảo đảm những người này được phép chở hàng hóa vào cảng không?	☐ Có	☐ Không
3.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hóa, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hóa được đưa vào cảng, khi hàng hóa xếp trong cảng?	☐ Có	☐ Không
3.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng vào cảng không?	☐ Có	☐ Không
3.5	Thực hiện kiểm tra hàng hóa nhằm tránh xáo trộn hàng hóa bằng:	☐ Có	☐ Không
	A. Mắt	☐ Có	☐ Không
	B. Bằng tay	☐ Có	☐ Không

	C. Các thiết bị dò, quét		
3.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
3.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
4	Các biện pháp an ninh đối với giao, nhận hàng cung ứng cho tàu		
4.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng cung ứng để bảo đảm chỉ những mặt hàng đúng chủng loại mới được cho vào cảng để đưa lên tàu không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
4.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển để bảo đảm những người này được phép chở hàng cung ứng vào cảng không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
4.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng cung ứng, kể cả việc kiểm tra chi tiết hàng cung ứng trước khi cho phép đưa vào cảng không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
4.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng cung ứng vào cảng không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
4.5	Thực hiện kiểm tra hàng cung ứng bằng: A. Mắt B. Bảng tay C. Các thiết bị dò, quét	☐ Có ☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không ☐ Không
4.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
4.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
5.1	Hành lý gửi có được đánh số, đeo thẻ và để ở những vị trí được bảo vệ thích hợp hay không?	☐ Có	☐ Không
5.2	Có thường xuyên kiểm tra hành lý gửi không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
5.3	Thực hiện kiểm tra hành lý gửi bằng: A. Mắt B. Bảng tay C. Các thiết bị dò, quét	☐ Có ☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không ☐ Không
5.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
5.5	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
6	Các biện pháp an ninh đối với Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		
6.1	Lực lượng bảo vệ được bố trí tại các vị trí đã nêu trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
6.2	Lực lượng tuần tra các khu vực trong cảng thủy nội địa thực hiện việc tuần tra bằng: A. Đi bộ B. Xe đạp, xe máy C. Ca nô	☐ Có ☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không ☐ Không

6.3	Có sử dụng camera để giám sát các khu vực nhạy cảm trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
6.4	Có các biện pháp để bảo đảm hệ thống chiếu sáng, hệ thống an ninh khác được cung cấp điện liên tục không?	☐ Có	☐ Không
6.5	Hệ thống chiếu sáng của cảng có bảo đảm đủ sáng để nhận dạng được người, phương tiện tới gần các điểm tiếp cận, hàng rào, các khu vực hạn chế và tàu, khi trời tối hay khi tầm nhìn xa bị hạn chế hay không?	☐ Có	☐ Không
6.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
6.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
IV	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp		
1	Có thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan không?	☐ Có	☐ Không
2	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch sơ tán sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không
3	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi phát hiện vũ khí/thuốc nổ/vật khả nghi trong cảng sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không
4	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi hệ thống chiếu sáng bị mất sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không
5	Có cần cập nhật, bổ sung Kế hoạch phòng cháy chữa cháy sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không
6	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không
V	Huấn luyện, thực tập và diễn tập		
1	Có tổ chức huấn luyện cho ban (bộ phận) an ninh cảng không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
2	Có tổ chức huấn luyện cho lực lượng bảo vệ cảng không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
3	Có tổ chức huấn luyện cho các cán bộ, công nhân viên trong cảng không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
4	Có tổ chức các đợt thực tập theo kế hoạch không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
5	Có tổ chức đợt diễn tập theo kế hoạch không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
VI	Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa bổ sung		
1	Có tiến hành đánh giá an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	☐ Có	☐ Không cần tiến hành ngay
2	Có tiến hành lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	☐ Có	☐ Không cần tiến hành ngay
VII	Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa		
1	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
2	Các biện pháp an ninh		
2.1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
2.2	Các biện pháp an ninh đối với các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa		
2.3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		

2.4	Các biện pháp an ninh đối với giao nhận hàng cung ứng cho tàu	
2.5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi	
2.6	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát an ninh cảng thủy nội địa	
3	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp	
4	Huân luyện, thực tập và diễn tập	

**TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN) AN
NINH
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**
(Ký tên)

....., ngày...tháng...năm...
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RỦI RO

			ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH HIỆN TẠI						SAU KHI ĐÃ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN NINH				
Cơ sở hạ tầng và hoạt động quan trọng	Xác định các mối đe dọa		Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý	Biện pháp an ninh cần áp dụng	Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý
				Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm				Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm	
	Mối đe dọa chính 1	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											
		- ...											
	Mối đe dọa chính 2	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											

Các mối đe dọa, tình huống giả định thường là: tấn công từ xa, đánh bom từ bên ngoài; xâm nhập trái phép; đưa vũ khí vào cảng, lên tàu; chiếm quyền kiểm soát; bắt, khống chế nhân viên; phá hoại; tấn công nhân viên, trộm, cắp tài sản.

Mẫu Văn bản đề nghị Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: (1)

Tên doanh nghiệp khai thác cảng:

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước):

.....

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại:..... Số fax:

Tên cảng:

Vị trí:

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định tại

Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm... trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cảng vụ ... thẩm định và phê duyệt./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG

(Ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

CƠ QUAN CẤP TRÊN CỦA CƠ
QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:GCN-CV...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
(Lần ...)

Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa của Cảng
gồm..... trang, kể cả các phụ lục được gửi tới Cảng vụ vào ngày.... tháng.... năm
20

Sau khi nghiên cứu nội dung Bản đánh giá trên, kết hợp với kết quả thẩm định tại cảng, thấy
rằng:

Nội dung	Phù hợp	Chưa phù hợp
Xác định các tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	☐	☐
Xác định các mối đe dọa tiềm tàng đối với tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ.	☐	☐
Xác định khả năng bị tổn hại.	☐	☐
Xác định, lựa chọn các biện pháp cần áp dụng giảm khả năng tổn hại.	☐	☐

Các khuyến khích cụ thể đối với nội dung chưa phù hợp (nếu có):

.....
.....
.....

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH
(Họ tên và chữ ký)

...., ngày...tháng...năm...
PHÊ DUYỆT CỦA CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

20. Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

20.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa lập 02 bộ hồ sơ theo quy định và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ Đường thủy nội địa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Xây dựng phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

20.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị.
- Bản sao Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa có xác nhận của Người đại diện pháp luật của Doanh nghiệp cảng ở trang cuối đã được Cảng vụ Hàng hải hoặc Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định (đối với cảng liên doanh với nước ngoài hoặc người quản lý khai thác cảng là pháp nhân, thể nhân nước ngoài thì đánh giá an ninh cảng thủy nội địa phải được dịch sang tiếng Anh).

- Bản sao Kế hoạch an ninh.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ hồ sơ.

20.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Xây dựng phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

20.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

20.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Xây dựng,

- Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa.

20.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh và giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

- Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài có thời hạn 05 năm và hàng năm phải được xác nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

20.8. Phí, lệ phí: 14.000.000 đồng/lần.

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

- Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

- Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

- Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

20.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa;

- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

...TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN...

...TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA...

KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

(Lần...)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:

(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu hạn chế lưu hành, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật).

....., ngày....tháng....năm....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Bảng theo dõi sửa đổi, bổ sung Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa

Lời nói đầu

I. Cơ sở pháp lý đối với việc lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (1)

II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị về an ninh (2)

III. Các biện pháp an ninh (3)

IV. Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp (4)

V. Huấn luyện, thực tập và diễn tập (5)

VI. Xem xét lại Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (6)

VII. Các Phụ lục

Phụ lục I: Địa chỉ liên lạc (7)

Phụ lục II: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (8)

Phụ lục III: Sơ đồ và các khu vực hạn chế

Phụ lục IV. Báo cáo các mối đe dọa, sự cố an ninh

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	Ngày sửa đổi	Vị trí sửa đổi (Trang số)	Nội dung sửa đổi	Ghi chú

Ghi chú:

(1) Nêu rõ các căn cứ pháp lý.

(2) Nêu rõ trách nhiệm về an ninh của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.

(3) Nêu tất cả các biện pháp an ninh sẽ được thiết lập, áp dụng tại cảng thủy nội địa ở cả ba cấp độ an ninh và tập hợp theo nhóm các lĩnh vực, cụ thể hóa các khuyến nghị trong bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa thành các biện pháp an ninh.

(4) Nêu rõ trách nhiệm, quy trình thông báo, báo cáo các sự cố hoặc mối đe dọa an ninh giữa các cơ quan liên quan. Đồng thời nêu tất cả các quy trình ứng phó đối với các tình huống khẩn nguy có thể xảy ra đối với cảng (như sơ tán khỏi cảng, phát hiện vũ khí hoặc chất nổ trong cảng, các thiết bị an ninh bị hỏng.v.v...)

(5) Nêu cụ thể chương trình huấn luyện, thực tập và diễn tập an ninh sẽ được triển khai tại đơn vị mình.

(6) Nêu các quy trình liên quan đến việc xem xét tính hiệu quả của các biện pháp và quy trình an ninh hiện được thiết lập trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa.

(7) Nêu rõ các thông tin về địa chỉ liên lạc của cảng thủy nội địa, doanh nghiệp cảng thủy nội địa, cán bộ an ninh cảng thủy nội địa, trực ban an ninh cảng thủy nội địa v.v...

(8) Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt.

Lưu ý: Từ ngữ sử dụng trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa phải nhất quán với đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

Mẫu Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: (1)

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước):

.....

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Số fax:

Tên cảng:

Vị trí:

Căn cứ

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và đã được Cảng vụ ... thẩm định, phê duyệt. Trên cơ sở bản đánh giá an ninh, chúng tôi đã xây dựng hoàn thiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định. Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa gồm trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cảng vụ ... phê duyệt kế hoạch an ninh cấp Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG
(Ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền

Mẫu Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

CƠ QUAN CẤP TRÊN CỦA CƠ
QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:GCVN-CV...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
(Lần ...)

Bản kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa của Cảng
gồm.....trang, kể cả các phụ lục được gửi tới Cảng vụ ...vào ngày...tháng ... năm...

Sau khi nghiên cứu nội dung Bản kế hoạch trên, kết hợp với kết quả thẩm định tại cảng, thấy rằng:

Nội dung	Phù hợp	Chưa phù hợp
Các biện pháp bảo đảm an ninh sẽ được thiết lập áp dụng tại cảng thủy nội địa ở cả 3 cấp độ đối với các tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ.	☐	☐
Quy trình thông báo, báo cáo các sự cố hoặc mối đe dọa an ninh giữa các cơ quan liên quan; quy trình ứng phó trước các mối đe dọa tiềm tàng đối với tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ.	☐	☐
Chương trình huấn luyện, thực tập và diễn tập an ninh sẽ được triển khai tại cảng	☐	☐

Các khuyến khích cụ thể đối với nội dung chưa phù hợp (nếu có):

.....

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH
(Họ tên và chữ ký)

PHÊ DUYỆT CỦA
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM	
	
GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI STATEMENT OF COMPLIANCE SECURITY OF INLAND WATERWAY PORT FACILITY	
Số giấy chứng nhận : Statement Number	
Cơ quan cấp:..... Issue by: CHỨNG NHẬN CERTIFY THAT	
Tên Cảng thủy nội địa: Name of the Inland Waterway Port Facility	
Địa chỉ của Cảng thủy nội địa: Address of the Inland Waterway Port Facility	
Đã tuân theo các quy định tại và hoạt động phù hợp với Kế hoạch An ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt; The compliance of aforementioned Port facility..... and this port facility operates in accordance with the approved Inland Waterway Port Security Plan;	
Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt phù hợp với hoạt động của loại tàu sau đây (gạch bỏ những loại không thích hợp): The Security Plan has been approved for the following vessel operations, delete if appropriate:	
(Liệt kê các loại tàu phù hợp) (List the appropriate vessels)	
Tàu khách (<i>Passenger ship</i>) Tàu hàng rời (<i>Bulk carrier</i>) Tàu dầu (<i>Oil tanker</i>) Tàu hóa chất (<i>Chemical tanker</i>) Tàu chở gas (<i>Gas carrier</i>)	
Giấy chứng nhận phù hợp này có giá trị đến ngàytháng ... năm và hàng năm tùy thuộc vào việc kiểm tra (ghi ở mặt sau). This Statement Certificate of compliance is valid until and every year subject to the verification stated on the overleaf (recorded on the following pages)	

Cấp Issued at: ...	Ngày cấp: .../.../... Date of issue	tại... Chữ ký của người có thẩm quyền Signature of the duly Authorized Official Đóng dấu (Seal or Stamp of issuing Authority)
(Trang sau)		

XÁC NHẬN HÀNG NĂM
ENDORSEMENT FOR VERIFICATIONS

CHỨNG NHẬN lần 1: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa.

1st VERIFICATION: THIS Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm...

This Certificate of compliance is valid until

(Chữ ký của người có thẩm quyền)

(Signature of duly Authorized Official)

CHỨNG NHẬN lần 2: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa.

2nd VERIFICATION: This Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm...

This Certificate of compliance is valid until.....

(Chữ ký của người có thẩm quyền)

(Signature of duly Authorized Official).

21. Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

21.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa lập 02 bộ hồ sơ theo quy định và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Xây dựng xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa.

21.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị.
- Bản sao Bản đánh giá an ninh phải có ý kiến của các cơ quan, gồm: cơ quan Công an, Biên phòng, Hải quan, Cảng vụ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Kiểm dịch động vật (nếu có).

- Bản sao Biên bản các buổi tập huấn hoặc diễn tập hoặc huấn luyện theo chương trình Kế hoạch an ninh được phê duyệt.

- Bản chính giấy chứng nhận phù hợp an ninh (để xác nhận vào trang sau của giấy chứng nhận).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ hồ sơ.

21.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Xây dựng xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

21.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

21.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng, Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa.

- Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa.

21.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Văn bản xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

21.8. Phí, lệ phí: Bằng 20% mức thu của các mục mức thu thủ tục Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và thủ tục Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tương ứng.

21.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

21.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa;

- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu Văn bản đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: (1)

Tên doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước):

.....

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại:..... Số fax:

Tên cảng:

Vị trí:

Căn cứ

Doanh nghiệp cảng chúng tôi trong năm qua đã tuân thủ thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Chúng tôi hoàn thành việc đánh giá lại an ninh cảng thủy nội địa có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng theo quy định. Bản đánh giá cảng thủy nội địa gồm.... trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cảng vụ ... xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài cho chúng tôi./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG
(Ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền